

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 10 năm 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX-ST ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1989

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 7X, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Xóm 1X, thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tiến C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 7X, thôn T, xã Q, huyện Q, Thái Bình

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Đinh Thị Th có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th kết hôn với anh Phạm Tiến C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà anh C ở thôn T, xã Q, huyện Q. Khoảng 8 năm đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến

năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Từ cuối năm 2017 Chị Th đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã L, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Nay Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Tiến C.

Về con chung: Chị Đinh Thị Th xác nhận chị và anh Phạm Tiến C có 01 con chung là Phạm Phương A, sinh ngày 09/8/2010. Hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Tiến C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Kết quả xác minh tại gia đình ông Phạm Tiến B (là bố đẻ anh C) và cơ sở thôn T, xã Q, huyện Q thể hiện:* Chị Đinh Thị Th và anh Phạm Tiến C là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết, chỉ biết từ cuối năm 2017 Chị Th và con chung không về chung sống cùng gia đình anh C ở thôn nữa. Nay Chị Th xin ly hôn anh C, quan điểm của gia đình ông B là không can thiệp vì đó là việc riêng của vợ chồng anh chị, còn cơ sở thôn T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Chị Th và anh C có 01 con chung là cháu Phạm Phương A, sinh ngày 09/8/2010 nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông B đề nghị Tòa án cho gia đình ông được nuôi dưỡng cháu Phương A, không yêu cầu Chị Th phải cấp dưỡng còn cơ sở thôn T đề nghị Tòa án căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung để giải quyết; Về tài sản chung: gia đình và cơ sở thôn không nắm được. Hiện tại, anh C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q. Anh C đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể gia đình và cơ sở thôn không biết nhưng anh C có liên lạc điện thoại với gia đình và khi gia đình có công việc thì anh C vẫn về.

- *Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đinh Thị Th và anh Phạm Tiến C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phạm Tiến C có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương song vẫn liên lạc và về thăm gia đình khi có công việc nhưng không cung cấp địa chỉ hiện nay đang ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của con chung, xác minh tại địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị Th, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, Chị Th và anh C đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc Chị Th xin ly hôn nhưng anh C không hợp tác và không thể hiện quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Th, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho Chị Th được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị Th và anh Phạm Tiến C có 01 con chung là Phạm Phương A, sinh ngày 09/8/2010, hiện con chung đang ở với Chị Th. Ly hôn, Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của Chị Th là chính đáng, con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị Th có thu nhập ổn định, có đủ các điều kiện cần thiết về nơi ở, sinh hoạt và học tập cho con. Ông Phạm Tiến B (bố đẻ anh C) đề nghị được nuôi cháu Phương A song bản thân anh C không thể hiện quan điểm, cũng không có mặt tại địa phương và cố tình giấu địa chỉ nên để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung cần giao con chung Phạm Phương A cho Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Tiến C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Phạm Tiến C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Đinh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Phương A, sinh ngày 09/8/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003979 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Đinh Thị Th, anh Phạm Tiến C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng